|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Trường Tiểu học Đoàn Nghiên  Lớp: 2  Họ và tên học sinh:  ................................................................. | | | KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI NĂM  Năm học: 2021 - 2022  MÔN: TIẾNG VIỆT  Ngày kiểm tra: .............................. |
| Điểm trung bình: | Điểm đọc: | | Lời phê của thầy, cô giáo:  ........................................................................................................................................................................................................................... |
| GV ký: | Đọc tiếng | Đọc hiểu: |

A. KIỂM TRA ĐỌC

I. Đọc tiếng (4 điểm) - Bốc thăm và đọc một đoạn ở bài Đọc từ tuần 1 đến 34. Trả lời được câu hỏi trong đoạn đã đọc.

II. Đọc hiểu: (6 điểm) - *Đọc bài sau và trả lời các câu hỏi*

Cây Gạo

Mùa xuân, cây gạo gọi đến bao nhiêu là chim. Từ xa nhìn lại, cậy gạo sừng sững như một tháp đèn khổng lồ. Hàng ngàn bông hoa là hàng ngàn ngọn lửa hồng tươi. Hàng ngàn búp nõn là hàng ngàn ánh nến trong xanh. Tất cả đều lóng lánh lung linh trong nắng. Chào mào, sáo sậu, sáo đen…đàn đàn lũ lũ bay đi bay về. Chúng nó gọi nhau, trêu ghẹo nhau, trò chuyện ríu rít. Ngày hội mùa xuân đấy.

Cây gạo già mỗi năm lại trở lại tuổi xuân, càng nặng trĩu những chùm hoa đỏ mọng và đầy tiếng chim hót.

*(Theo Vũ Tú Nam* )

Khoanh vào chữ cái trước ý trả lời đúng ở câu 1,2,3,4,5,7,8 và làm các bài tập sau:

Câu 1. (0.5đ –M1) Bài văn miêu tả cây gạo vào mùa nào?

a. Mùa xuân b. Mùa hạ c.Mùa thu

Câu 2. (0.5đ –M1) Từ xa nhìn lại, cây gạo trông giống cái gì?

a. Ngọn lửa hồng b. Tháp đèn c. Ngọn nến

Câu 3. (0.5đ –M1) Những chú chim làm gì trên cây gạo?

a.. Bắt sâu b. Làm tổ c. Trò chuyện ríu rít.

Câu 4: ( 0.5- M1) Những bông hoa gạo trong bài được so sánh với cái gì?

1. Ngọn lửa hồng tươi b. Ngọn nến đỏ rực c. Ngọn đèn lập lòe

Câu 5. (1đ- M2 ) Từ ngữ nào trong bài văn cho ta thấy cây gạo có những cử chỉ giống như con người?

a.Lung linh trong nắng b.Gọi đến bao nhiêu là chim c.Nặng trĩu những chum hoa

Câu 6: ( M3) Em thích hình ảnh nào nhất trong bài? Vì sao?

..........................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Câu 7** : (0.5đ-M1 ) **:** Trong câu **‘’** **Mùa xuân, cây gạo gọi đến bao nhiêu là chim’’.** Từ nào là từ chỉ hoạt động.

a. Gọi đến b. Cây gạo c. Mùa xuân

Câu 8 : (0,5đ-M1 ) : Câu nào dưới đây thuộc kiểu câu nêu đặc điểm ?

1. Hàng ngàn bông hoa là hàng ngàn ngọn lửa.
2. Hàng ngàn búp nõn là hàng ngàn ánh nến trong xanh.
3. Hàng ngàn cây gạo giống như hàng ngàn tháp đèn.

Câu 9: (1đ-M2 ) Đặt dấu chấm và dấu phấy vào chỗ thích hợp trong 2 câu sau:

“*Hết mùa hoa chim chóc cũng vãn Giống như thuở trước cây gạo trở lại với dáng vẻ xanh mát hiền lành*”.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Trường Tiểu học ……………………….  Lớp: ……  Họ và tên học sinh: ...................................... | | | KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI NĂM  Năm học: 2021 - 2022  MÔN: TIẾNG VIỆT  Ngày kiểm tra: .............................. |
| GV ký: | Điểm viết: | | Lời phê của thầy, cô giáo:  ................................................................................................................................................................................................................................. |
| Nghe – Viết | Luyện viết đoạn |

B. KIỂM TRA VIẾT *(10 điểm)*

I. Nghe - viết: *(4 điểm – 15 phút)*

Tạm biệt cánh cam

Nhưng Bống cảm thấy cánh cam có vẻ ngơ ngác như không vui, chắc chú nhớ nhà và nhớ bạn bè. Đoán vậy, Bống mang cánh cam thả ra bãi cỏ sau nhà. Tạm biệt cánh cam bé nhỏ, Bống hi vọng chú sẽ tìm được đường về căn nhà thân thương của mình.

II. Luyện Tập: *(6 điểm –25 phút)*

*Viết đoạn văn ngắn khoảng ( 4- 5) câu tả về một đồ dùng trong gia đình em.*

Bài làm:

TRƯỜNG TIỂU HỌC ĐOÀN NGHIÊN

HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ, CHO ĐIỂM KTĐK - CUỐI HKII

MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 2 – NH: 2021 - 2022

A/KIỂM TRA ĐỌC : 10 điểm – 30 phút

I. Đọc tiếng: (4 điểm) – Kiểm tra ở tuần 35

- GV cho HS bốc thăm và đọc 1 đoạn trong các bài tập đọc từ tuần 1 đến tuần 34

+ Đọc đúng, lưu loát toàn bài, to, rõ ràng, tốc độ đọc đạt y/c ( 60 – 65 tiếng trong một phút): 1 điểm

+ Đọc đúng tiếng từ: 1điểm.

+ Ngắt, nghỉ hơi đúng: 1điểm.

- Mỗi HS trả lời đúng 1 câu hỏi về nội dung có trong đoạn đã đọc. (1 điểm)

II. Đọc hiểu: (6 điểm)

Câu 1: ý a (0.5đ)

Câu 2: ý b (0.5đ)

Câu 3: ý c (0,5đ)

Câu 4: ý a (0,5đ)

Câu 5: ý b(1đ)

Câu 6: (1đ ) (Tùy vào câu mà HS viết GV thấy đúng ý thì cho điểm).

Ví dụ: Em thích hình ảnh “Từ xa nhìn lại cây gạo sừng sững như một tháp đèn khổng lồ”. Vì hình ảnh được tác giả nêu lên rất sinh động, dễ tưởng tượng và rất đẹp.

Câu 7: ý a (0.5đ)

Câu 8 : ý b (0.5đ)

Câu 9 : Hết mùa hoa gạo, chim chóc cũng vãn. Giống như thuở trước, cây gạo trở lại với dáng vẻ xanh mát, hiền lành. (1đ)

B/ KIỂM TRA VIẾT: 10 điểm – 40 phút

I. Chính tả: (4 điểm): Nghe- viết chính tả bài “Tạm biệt cánh cam” trong thời gian 15 phút.

Nhưng Bống cảm thấy cánh cam có vẻ ngơ ngác như không vui, chắc chú nhớ nhà và nhớ bạn bè. Đoán vậy, Bống mang cánh cam thả ra bãi cỏ sau nhà. Tạm biệt cánh cam bé nhỏ, Bống hi vọng chú sẽ tìm được đường về căn nhà thân thương của mình.

Tốc độ đạt yêu cầu (50 - 55 chữ/15 phút): 1điểm

Viết rõ ràng, đúng kiểu chữ, cỡ chữ: 1 điểm

Viết đúng chính tả (1-5 lỗi): 1điểm.

Trình bày đúng quy định, sạch, đẹp: 1điểm.

II. Tập làm văn: (6 điểm) - Làm bài TLV trong khoảng thời gian 25 phút

Nội dung đảm bảo theo yêu cầu đề bài, kể về việc em đã làm để bảo vệ môi trường: 3 điểm

*Viết đúng kiểu chữ, cỡ chữ, đúng chính tả:1 điểm*

*Dùng từ đúng, phù hợp, đặt câu đúng ngữ pháp: 1 điểm. Câu văn có sáng tạo: 1 điểm.*

TRƯỜNG TIỂU HỌC ĐOÀN NGHIÊN

MA TRẬN NỘI DUNG ĐỀ KIỂM TRA MÔN TIẾNG VIỆT 2 – CKII

NĂM HỌC: 2021 – 2022

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mạch kiến thức, kĩ năng | Số câu, câu số, số điểm | Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | | Tổng |
| 1. Đọc hiểu văn bản  - Hiểu nghĩa từ ngữ, chi tiết trong bài đọc.  - Hiểu nội dung đoạn, bài đọc.  - Liên hệ nội dung trong bài với bản thân hoặc với thực tiễn cuộc sống. | TN | TL | TN | TL | TN | TL |  |
| Số câu | 4 |  | 1 |  |  | 1 | 6 |
| Câu số | 1,2,3,4 |  | 5 |  |  | 6 |  |
| *Số điểm* | *2* |  | *1* |  |  | *1* | *4* |
| 2.Kiến thức Tiếng Việt  - Nhận biết được các từ ngữ theo các chủ đề đã học.  - Xác định được câu nêu đặc điểm, câu giới thiệu, câu nêu hoạt động.  - Biết sử dụng các dấu câu đã học. | Số câu | 2 |  | 1 |  |  |  | 3 |
| Câu số | 7,8 |  | 9 |  |  |  |  |
| *Số điểm* | *1* |  | *1* |  |  |  | *2* |
| Tổng | Số câu | 6 | | 2 | | 1 | | 9 |
| *Số điểm* | *3* | | *2* | | *1* | | *6* |